

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: 44/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Sơn Hóa**.

- Ông **Nguyễn Văn Vỹ**.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 56; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 59; Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm d khoản 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1971;

HKTT: Xóm 4, xã Y, huyện T, Thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú: Căn hộ số 0 tầng 6, tòa nhà N01, dự án 87 đường Lĩnh Nam, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Ông **Lương Quang T**, sinh năm 1963;

HKTT và chỗ ở: Căn hộ số 0 tầng 6, tòa nhà N01, dự án 87 đường Lĩnh Nam, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội; (Có mặt).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Lương Quang T.

2.2. Về con chung: Xác nhận bà Trần Thị Thu H và ông Lương Quang T có 01 con chung là chị Lương Thùy Linh (nữ), sinh ngày 15/11/1993. Hiện chị Linh đã trưởng thành và có gia đình riêng, ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Giao cho bà Trần Thị Thu H được sở hữu toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng, gồm: 01 Căn hộ chung cư, địa chỉ 0606, tầng 6, tòa nhà N01, Trung tâm thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở cao tầng, số 87 Lĩnh Nam, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Lương Quang T và bà Trần Thị Thu H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 055738 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/01/2019; Loại nhà ở: Căn hộ chung cư số 0606; tên nhà chung cư N01; diện tích sàn: 75,2 m²; hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; giá trị: 2.050.000.000đ (giá đã bao gồm hệ thống điện chiếu sáng, 03 điều hòa, tủ bếp, tủ tường, hệ thống bếp).

Phần nội thất không gắn liền với nhà: 01 ti vi 50 inch nhãn hiệu Sony trị giá 8.000.000đ; 01 ti vi Panasonic 32 inch trị giá 2.000.000đ; 01 máy giặt Sanyo trị giá 3.000.000đ; 01 máy hút bụi Electrolux trị giá 1.000.000đ; một bộ bàn trà (01 ghế băng + 02 ghế đơn) trị giá 5.000.000đ; 01 lò vi sóng trị giá 2.000.000đ; 01 nồi nướng lock and lock trị giá 1.000.000đ; 01 tủ lạnh Missubisi 326 lít trị giá 8.000.000đ; 01 bộ bàn ăn gỗ ép (bao gồm 06 ghế bọc giả da) trị giá 4.500.000 đ.

Tổng giá trị tài sản chung: 2.050.000.000đ + 34.500.000đ = 2.084.500.000đ (Hai tỷ, không trăm tám mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng)

Đối với tài sản là: 01 quạt Senko; 01 quạt để sân Chinchai; 02 quạt cây Win Hà Nội, 02 giường ngủ gỗ công nghiệp; 02 tủ quần áo gỗ công nghiệp; 01 xe máy Wave S Biên kiểm soát: 29H2 – 315.38 đăng ký mang tên ông Lương Quang T, những tài sản này ông Tuấn bà Hương thống nhất không đề nghị Hội đồng định giá và tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Tuấn, bà Hương: Ông Lương Quang T được hưởng phần giá trị tài sản chung là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Thu H được hưởng giá trị tài sản chung là 984.000.000đ (Chín trăm tám mươi bốn triệu đồng). Bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho ông Lương Quang T 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm nghìn đồng).

- Bà Trần Thị Thu H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khai thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Lương Quang T không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết, tòa không xét.

2.5. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho cả ông Lương Quang T, bà Hương đã nộp tại Biên lai số AA/2020/0049035 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

- Án phí DSST: - Bà Trần Thị Thu H phải chịu: $36.000.000đ + 3\% \times (984.000.000đ - 800.000.000đ) = 41.535.000đ$ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0049036 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Bà Trần Thị Thu H còn phải nộp tiếp 36.535.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lương Quang T: $36.000.000đ + 3\% \times (1.100.000.000đ - 800.000.000đ) = 45.000.000đ$ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã Y, huyện T, Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 48/2011, quyển số 01 ngày 02/12/1992)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Phương